

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2008/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý
của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước****BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ Luật trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý,

pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 358/2003/QĐ-BTP ngày 15 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế cộng tác viên của tổ chức trợ giúp pháp lý.

Điều 3. Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp và Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:**KT. BỘ TRƯỞNG**
THỨ TRƯỞNG

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế cộng tác viên trợ giúp

Đinh Trung Tụng

QUY CHẾ**cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BTP
ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về điều kiện, thủ tục công nhận, cấp và thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là cộng tác viên); hợp đồng cộng tác thực hiện trợ giúp pháp lý; quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên; hình thức, lĩnh vực, phạm vi trợ giúp pháp lý, phương thức hoạt động và quản lý nhà nước đối với cộng tác viên; khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về các vấn đề có liên quan đến cộng tác viên.

Điều 2. Cộng tác viên

1. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm (sau đây gọi chung là Trung tâm, Chi nhánh) là người có đủ điều kiện, được công nhận và cấp thẻ cộng tác viên theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và quy định của Quy chế này.

2. Sự tham gia trợ giúp pháp lý của cộng tác viên giúp Trung tâm, Chi nhánh

khắc phục tình trạng thiếu biên chế khi triển khai các hoạt động trợ giúp pháp lý ngày càng phức tạp và đa dạng về nhu cầu; giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần phổ biến giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

3. Cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý theo phạm vi, hình thức và lĩnh vực trợ giúp pháp lý thể hiện trong hợp đồng cộng tác được ký giữa cộng tác viên với Trung tâm hoặc Chi nhánh phụ hợp với pháp luật về trợ giúp pháp lý và Quy chế này.

4. Nhà nước khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, luật sư, luật gia và các cá nhân có đủ tiêu chuẩn tham gia làm cộng tác viên, bảo đảm huy động được nguồn lực từ xã hội thực hiện xã hội hóa trợ giúp pháp lý.

5. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, thành viên, hội viên

và cá nhân khác làm việc tại cơ quan, tổ chức mình làm cộng tác viên.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Cộng tác viên tham gia trợ giúp pháp lý trên cơ sở tự nguyện, trong phạm vi năng lực, được hưởng các quyền và thực hiện các nghĩa vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý, cộng tác viên phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 4 Luật trợ giúp pháp lý.

3. Nghiêm cấm mọi hình thức lợi dụng thẻ cộng tác viên hoặc tư cách cộng tác viên vì mục đích tư lợi hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC CÔNG NHẬN, CẤP VÀ THU HỒI THẺ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 4. Điều kiện để làm cộng tác viên

1. Người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật trợ giúp pháp lý và tự nguyện tham gia trợ giúp pháp lý thì được xem xét công nhận và cấp thẻ cộng tác viên.

2. Người có thời gian làm công tác pháp luật là người đã hoặc đang đảm nhiệm các chức danh như thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án, kiểm sát viên, điều tra viên, thanh tra viên, chấp hành viên, công chứng viên, thẩm tra viên ngành Tòa án, kiểm tra viên ngành Kiểm sát; chuyên viên pháp lý, cán sự pháp lý trong ngành Tư pháp hoặc tổ chức pháp chế các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang; công chức tư pháp hộ tịch xã, phường, thị trấn.

Người có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng là người đã hoặc đang là thành viên tổ hòa giải, thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, già làng, trưởng bản, trưởng thôn, trưởng các dòng họ, đại diện tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cơ sở.

3. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được làm cộng tác viên:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích hoặc đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc quản chế hành chính;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực;

đ) Đang bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư; bị thu hồi Giấy chứng nhận tư vấn viên pháp luật.

Điều 5. Thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên

1. Người có đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Quy chế này và có nguyện vọng làm cộng tác viên gửi hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên đến Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm ở địa phương nơi mình cư trú hoặc công tác.

Hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên bao gồm:

a) Đơn đề nghị làm cộng tác viên (Mẫu số 01-TP-TGPL-QCCTV ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Bản sao bằng cử nhân luật hoặc bằng đại học khác; bằng trung cấp luật hoặc giấy xác nhận thời gian làm công tác pháp luật của cơ quan, tổ chức nơi người đó đã hoặc đang công tác;

c) Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đề nghị cộng tác làm việc;

d) Hai ảnh màu chân dung cỡ 02 cm x 03 cm.

Trong trường hợp người đề nghị làm cộng tác viên thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi mà có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng thì ngoài các giấy tờ quy định tại điểm a và c nêu trên, trong hồ sơ phải có ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) hoặc công chức tư pháp hộ tịch cấp xã nơi người đó cư trú.

2. Thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là Nghị định số 07/2007/NĐ-CP).

Quyết định công nhận và cấp thẻ cộng tác viên được ban hành theo Mẫu số 03-TP-TGPL-QCCTV kèm theo Quy chế này.

3. Trong trường hợp thiếu giấy tờ thì Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm nêu rõ những giấy tờ còn thiếu và đề nghị bổ sung. Sau khi đã nhận đủ giấy tờ bổ sung, Trung tâm có trách nhiệm làm thủ tục trình và đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp công nhận và cấp thẻ cộng tác viên

cho người đề nghị. Nếu hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên bị trả lại theo khoản 2 Điều 27 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP, Trung tâm thông báo và nêu rõ lý do cho người đề nghị làm cộng tác viên.

Điều 6. Thẻ cộng tác viên và thời hạn sử dụng

1. Người được công nhận làm cộng tác viên thì được cấp thẻ cộng tác viên theo mẫu thống nhất do Bộ Tư pháp phát hành (Mẫu số 02-TP-TGPL-QCCTV ban hành kèm theo Quy chế này).

Thẻ cộng tác viên màu vàng nhạt, chiều ngang 60mm, chiều dài 90mm gồm 2 mặt. Mặt trước có biểu tượng trợ giúp pháp lý; phía bên trái có ảnh 02cm x 03 cm đóng dấu nổi của Sở Tư pháp; chữ thẻ cộng tác viên và số thẻ in màu đỏ; phía dưới bên phải có chữ ký của Giám đốc Sở Tư pháp và đóng dấu Sở Tư pháp. Mặt sau có hoa văn vàng nhạt, ở giữa có biểu tượng trợ giúp pháp lý in chìm và quy định về việc sử dụng thẻ.

2. Thời hạn sử dụng của thẻ cộng tác viên là 03 năm kể từ thời điểm được cấp, trừ trường hợp có quyết định thu hồi thẻ của Giám đốc Sở Tư pháp. Việc sử dụng thẻ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP.

Điều 7. Cấp lại và thu hồi thẻ cộng tác viên

1. Trường hợp bị mất thẻ, thẻ hết thời hạn sử dụng hoặc thẻ cộng tác viên bị hỏng không còn sử dụng được, cộng tác viên làm đơn đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp cấp lại thẻ, kèm theo hai ảnh màu chân dung cỡ 02cm x 03cm gửi Giám đốc Trung tâm. Đơn đề nghị cấp lại thẻ phải ghi rõ việc hết thời hạn, gửi kèm thẻ bị hư hỏng hoặc thẻ hết thời hạn. Trong trường hợp thẻ bị mất phải có cam kết của cộng tác viên về vấn đề này.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại thẻ, Giám đốc Trung tâm kiểm tra danh sách cộng tác viên theo số thẻ đã cấp cho cộng tác viên và đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp quyết định cấp lại thẻ cộng tác viên cho người đề nghị. Thẻ cộng tác viên được cấp lại giữ nguyên số và ký hiệu của thẻ được cấp lần đầu.

2. Khi cộng tác viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, Nghị định số 07/2007/NĐ-CP, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi thẻ cộng tác viên của Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi thẻ cộng tác viên. Quyết định thu hồi thẻ được gửi cho cộng tác viên. Thẻ cộng tác viên của người bị thu hồi hết giá trị sử dụng kể từ thời điểm Quyết định thu hồi thẻ cộng tác viên có hiệu lực pháp luật.

Người bị thu hồi thẻ cộng tác viên được quyền khiếu nại đối với Quyết định thu hồi thẻ của Giám đốc Sở Tư pháp. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương III

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Điều 8. Ký kết hợp đồng cộng tác

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp thẻ cộng tác viên, Trung tâm mời cộng tác viên đến để ký kết hợp đồng cộng tác. Hợp đồng cộng tác phải xác định rõ phạm vi, hình thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý mà cộng tác viên sẽ thực hiện, quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên và cơ chế giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp với quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý (Mẫu số 04-TP-TGPL-QCCTV ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Giám đốc Trung tâm ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý tại Trung tâm; ủy quyền cho Trưởng Chi nhánh ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh của Trung tâm. Trưởng Chi nhánh chịu trách nhiệm và báo cáo Giám đốc Trung tâm về việc ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên, đồng thời gửi

01 bản hợp đồng cộng tác về Trung tâm để quản lý.

3. Hợp đồng cộng tác là cơ sở để xác định trách nhiệm và quyền hạn của các bên trong quan hệ cộng tác. Hợp đồng cộng tác có hiệu lực kể từ thời điểm hai bên cùng ký vào hợp đồng, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác. Cộng tác viên được thực hiện trợ giúp pháp lý từ thời điểm hợp đồng cộng tác có hiệu lực pháp luật.

Điều 9. Thay đổi, bổ sung hợp đồng cộng tác

1. Cộng tác viên được đề nghị Trung tâm thay đổi, bổ sung nội dung hợp đồng cộng tác. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cộng tác viên, Giám đốc Trung tâm hoặc Trưởng Chi nhánh được Giám đốc Trung tâm ủy quyền tiến hành thanh lý hợp đồng cộng tác đã ký trước đây và tiến hành ký hợp đồng cộng tác mới với cộng tác viên.

2. Trường hợp Giám đốc Trung tâm hoặc Trưởng Chi nhánh không đồng ý với đề nghị thay đổi, bổ sung nội dung hợp đồng cộng tác của cộng tác viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trong trường hợp này, cộng tác viên tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng

cộng tác đã ký hoặc thông báo cho Trung tâm bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng cộng tác. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng cộng tác, cộng tác viên tiến hành bàn giao các hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý đang đảm nhận và tiến hành thanh lý hợp đồng cộng tác với Trung tâm hoặc Chi nhánh.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng cộng tác

1. Hợp đồng cộng tác bị chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Cộng tác viên có đơn đề nghị Trung tâm chấm dứt hợp đồng cộng tác;

b) Cộng tác viên có hành vi vi phạm các quy định về sử dụng thẻ cộng tác viên theo Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý đến mức phải chấm dứt hợp đồng cộng tác;

c) Cộng tác viên thuộc một trong các trường hợp bị thu hồi thẻ cộng tác viên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng cộng tác, các bên trong hợp đồng cộng tác có trách nhiệm tiến hành thanh lý hợp đồng cộng tác. Cộng tác viên có trách nhiệm nộp lại thẻ cộng tác viên và bàn giao toàn bộ các hồ sơ vụ việc trợ

giúp pháp lý đang thực hiện cho Trung tâm, Chi nhánh. Trung tâm có trách nhiệm thanh toán tiền bồi dưỡng, các chi phí hợp lý cho cộng tác viên đối với vụ việc trợ giúp pháp lý mà cộng tác viên đã hoàn thành theo quy định của pháp luật.

Cộng tác viên đã chấm dứt hợp đồng cộng tác vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vụ việc đã thực hiện trong quá trình là cộng tác viên.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 11. Quyền của cộng tác viên

1. Được cấp thẻ cộng tác viên và sử dụng thẻ cộng tác viên theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP.

2. Được phân công thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với phạm vi, hình thức, lĩnh vực trợ giúp pháp lý thể hiện trong hợp đồng cộng tác ký kết với Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm.

3. Được yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

4. Được từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các

trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý và theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý.

6. Được hưởng chế độ bồi dưỡng và các chi phí hành chính hợp lý khác theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP và quy định của pháp luật.

7. Được đề xuất, kiến nghị về việc mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm và Chi nhánh của Trung tâm.

8. Được biểu dương, khen thưởng, ghi tên trong Sổ vàng danh dự của Trung tâm khi có thành tích trong công tác trợ giúp pháp lý.

9. Khiếu nại về việc cấp, thu hồi thẻ cộng tác viên, việc thực hiện chế độ, chính sách và các quyết định hành chính, hành vi hành chính khác trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý.

Điều 12. Nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý theo đúng các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và hợp đồng cộng tác được ký kết với Trung tâm và Chi nhánh của Trung tâm.

2. Sử dụng và bảo quản thẻ cộng tác viên khi thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định 07/2007/

NĐ-CP; nộp lại thẻ cộng tác viên khi bị thu hồi.

3. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý và các quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý; tuân thủ nội quy, quy chế của Trung tâm;

4. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm hoặc Trưởng Chi nhánh và trước pháp luật về việc trợ giúp pháp lý; thực hiện việc bồi hoàn cho Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm trong trường hợp trợ giúp pháp lý sai gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý.

5. Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Trung tâm, Chi nhánh; kịp thời báo cáo với Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện trợ giúp pháp lý và đề xuất biện pháp giải quyết.

Chương V

HÌNH THỨC, LĨNH VỰC, PHẠM VI, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 13. Hình thức trợ giúp pháp lý

1. Cộng tác viên là luật sư được thực hiện trợ giúp pháp lý thông qua các hình thức trợ giúp pháp lý được quy định tại Điều 27 Luật trợ giúp pháp lý, bao gồm

tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức trợ giúp pháp lý khác phù hợp với hình thức trợ giúp pháp lý được thể hiện trong hợp đồng cộng tác mà cộng tác viên đã ký kết với Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm.

2. Cộng tác viên không phải là luật sư chỉ thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật. Trong trường hợp cộng tác viên đã thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật mà đối tượng có nhu cầu cử chính cộng tác viên đó tham gia hòa giải và hướng dẫn các thủ tục hành chính, khiếu nại gắn với vụ việc đã tư vấn thì Giám đốc Trung tâm hoặc Trưởng Chi nhánh có thể cử cộng tác viên đó tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

Điều 14. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý

1. Cộng tác viên được lựa chọn một hoặc nhiều lĩnh vực trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 34 của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP khi tiến hành ký kết hợp đồng cộng tác với Trung tâm phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn nghề nghiệp của mình.

2. Cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý đối với các lĩnh vực trợ giúp pháp lý đã ký kết trong hợp đồng cộng tác với Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm.

Điều 15. Phạm vi trợ giúp pháp lý

1. Cộng tác viên chỉ thực hiện trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc thuộc phạm vi trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 26 Luật trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc kinh doanh thương mại.

2. Cộng tác viên được từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý khi vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý. Việc từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện yêu cầu trợ giúp pháp lý phải được trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý và phải nêu rõ lý do cho người yêu cầu trợ giúp pháp lý biết, đồng thời báo cáo lãnh đạo Trung tâm.

Điều 16. Phương thức hoạt động

1. Cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh hoặc trực tiếp nhận vụ việc do người được trợ giúp pháp lý yêu cầu theo hướng dẫn của Trung tâm, Chi nhánh.

2. Trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý, nếu xét thấy cần thiết phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ về chuyên môn nghiệp vụ, cộng tác viên được phối hợp với các cộng tác viên khác để cùng trao đổi kinh nghiệm, cùng nhau tháo gỡ vướng

mắc khi thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý thông qua phương thức Tổ cộng tác viên.

3. Giám đốc Trung tâm quyết định việc hình thành Tổ cộng tác viên tại các cơ quan, tổ chức, địa phương khi có từ 03 cộng tác viên trở lên.

Điều 17. Quản lý cộng tác viên

1. Cộng tác viên chịu sự quản lý, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Giám đốc Trung tâm hoặc của Trưởng Chi nhánh theo ủy quyền của Giám đốc Trung tâm. Cộng tác viên được Trung tâm hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý. Trung tâm chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện trợ giúp pháp lý của cộng tác viên.

Trường hợp cộng tác viên thực hiện trợ giúp pháp lý sai gây thiệt hại cho người được trợ giúp pháp lý, Trung tâm chịu trách nhiệm bồi thường và được quyền yêu cầu cộng tác viên có lỗi phải bồi hoàn. Việc bồi hoàn được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

2. Giám đốc Trung tâm trực tiếp quản lý và sử dụng cộng tác viên, có trách nhiệm phân công vụ việc hoặc mời cộng tác viên tham gia thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý ở cơ sở phù hợp với hình

thức, lĩnh vực, phạm vi trợ giúp pháp lý được thể hiện trong hợp đồng cộng tác. Trưởng Chi nhánh được Giám đốc Trung tâm ủy quyền quản lý và sử dụng cộng tác viên trong phạm vi địa bàn, chịu trách nhiệm phân công, sử dụng cộng tác viên phù hợp với Quy chế này và chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng cộng tác viên trước Giám đốc Trung tâm.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Khen thưởng, biểu dương

1. Cộng tác viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động trợ giúp pháp lý được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét khen thưởng hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Cộng tác viên có đóng góp cho công tác trợ giúp pháp lý được Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm biểu dương, ghi nhận và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng. Trung tâm có Sổ vàng ghi nhận những công hiến, đóng góp của cộng tác viên cho hoạt động trợ giúp pháp lý.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Cộng tác viên vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý và Quy chế này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng các hình thức: thu hồi thẻ cộng tác viên, chấm dứt hợp đồng cộng tác hoặc bị xử lý vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết tranh chấp

1. Cộng tác viên được quyền khiếu nại đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến việc từ chối, công nhận, thu hồi thẻ Cộng tác viên; chấm dứt hợp đồng cộng tác hoặc các vấn đề khác có liên quan trong quá trình quản lý, sử dụng cộng tác viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng cộng tác viên có hành vi không thực hiện trợ giúp pháp lý và từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý. Việc giải quyết khiếu nại

được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật trợ giúp pháp lý;

3. Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cộng tác viên. Việc tố cáo và giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

4. Việc giải quyết tranh chấp giữa cộng tác viên với Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và dựa trên cơ sở hợp đồng cộng tác. Việc giải quyết tranh chấp giữa cộng tác viên với người được trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm, các cộng tác viên, phản ánh về Bộ Tư pháp xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đinh Trung Tụng

Mẫu số 01-TP-TGPL-QCCTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm 200.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ LÀM CỘNG TÁC VIÊN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Kính gửi: - Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

- Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là:

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Dân tộc..... Quốc tịch

Địa chỉ thường trú.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Thời gian công tác pháp luật:.....

Điện thoại..... Điện thoại di động.....

Email.....

Sau khi nghiên cứu Luật trợ giúp pháp lý, Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, tôi tự nhận thấy mình có đủ điều kiện để trở thành cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh (thành phố)..... Vì vậy, tôi trân trọng đề nghị được làm cộng tác viên của Trung tâm để thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi sau đây:

Lĩnh vực trợ giúp pháp lý:

Hình thức trợ giúp pháp lý cộng tác:

Phương thức thực hiện trợ giúp pháp lý:

093254457

Phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý:.....

Đối tượng trợ giúp pháp lý.....

Tôi cam đoan tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý, Quy chế công tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và thực hiện trợ giúp pháp lý có chất lượng.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02-TP-TGPL-QCCTV
MẪU THẺ CỘNG TÁC VIÊN

1. Kích thước: 60mm x 90mm.
2. Đặc điểm: thẻ Cộng tác viên có hai mặt được ghi bằng tiếng Việt, thẻ được in màu vàng nhạt.

a) Mặt trước:

- + Phía trên bên trái là: UBND tỉnh (thành phố); SỞ TƯ PHÁP;
- + Phía trên bên phải là Quốc hiệu;
- + Dòng chữ THẺ CỘNG TÁC VIÊN màu đỏ;
- + Dòng chữ: SỐ màu đỏ;
- + Họ tên (của cộng tác viên);
- + Nơi công tác (của cộng tác viên);
- + Địa danh tỉnh, ngày, tháng, năm;
- + Góc dưới bên phải là: GIÁM ĐỐC

(Sở Tư pháp tỉnh, thành phố) và đóng dấu của Sở Tư pháp tỉnh (thành phố);

+ Ở giữa là biểu tượng trợ giúp pháp lý in chìm;

+ Bên trái là ảnh màu 2 x 3 của cộng tác viên có đóng dấu nổi của Sở Tư pháp;

+ Góc dưới bên trái là có giá trị;

b) Mặt sau:

+ Phía trên là dòng chữ QUY ĐỊNH SỬ DỤNG THẺ màu đỏ;

+ Phía dưới in nội dung quy định về sử dụng thẻ cộng tác viên theo quy định.

+ Ở giữa là biểu tượng trợ giúp pháp lý in chìm.

Nội dung cụ thể in trên mặt trước và mặt sau của thẻ cộng tác viên theo mẫu đính kèm như sau:

UBND tỉnh (tp)..... SỞ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THẺ CỘNG TÁC VIÊN	
Số:	
Ảnh (2 x 3)	Họ tên:
	Nơi công tác:
Có giá trị	THẺ CỘNG TÁC VIÊN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ ngày tháng năm 200... GIÁM ĐỐC

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG THẺ
<ol style="list-style-type: none"> 1. Đeo thẻ khi làm việc; 2. Xuất trình thẻ khi có yêu cầu của người có thẩm quyền; 3. Cấm sử dụng thẻ vì mục đích cá nhân hoặc trục lợi; 4. Bảo quản, giữ gìn thẻ cẩn thận, không tẩy xóa, làm hỏng, không cho người khác mượn thẻ; 5. Mất thẻ phải báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền.
<p>* Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm tạo điều kiện, giúp đỡ Cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ.</p>

Mẫu số 03-TP-TGPL-QCCTV

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../QĐ-STP

(Địa danh) ngày..... tháng..... năm 200.....

QUYẾT ĐỊNH
công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BTP ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ông/bà..... là cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh..... kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Ông/bà..... được cấp thẻ cộng tác viên theo Quyết định này để thực hiện trợ giúp pháp lý, có trách nhiệm quản lý và sử dụng thẻ theo quy

định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp thẻ cộng tác viên, ông (bà)..... có trách nhiệm đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh (thành phố)..... (hoặc Chi nhánh của Trung tâm) để ký kết hợp đồng cộng tác và thực hiện trợ giúp pháp lý kể từ ngày hợp đồng cộng tác có hiệu lực pháp luật.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và ông/bà..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04-TP-TGPL-QCCTV

SỞ TƯ PHÁP TỈNH
(THÀNH PHỐ)
TRUNG TÂM TGPL
NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../HĐCT

(Địa danh) ngày..... tháng..... năm 200.....

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Căn cứ Luật trợ giúp pháp lý và Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý và Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-STP ngày...../...../200..... của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)..... về việc công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý;

Hôm nay, ngày...../...../200..... tại Trụ sở Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (hoặc Chi nhánh của Trung tâm) tỉnh..... chúng tôi gồm có:

Bên A: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh (thành phố):

Địa chỉ:.....

Điện thoại cố định:..... Fax:..... Email:.....

Đại diện là Ông (bà):

Chức vụ:.....

(Trường hợp Trưởng Chi nhánh ký hợp đồng cộng tác với cộng tác viên theo ủy quyền thì cần bổ sung thêm: Theo Giấy ủy quyền ký kết hợp đồng cộng tác thực hiện trợ giúp pháp lý của Giám đốc Trung tâm ngày...../...../200.....);

Bên B:

Ông (bà):

Nơi công tác hoặc địa chỉ nơi thường trú:

Điện thoại:.....Email

Chứng minh nhân dân số:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại

Hai bên đồng ý ký hợp đồng cộng tác thực hiện trợ giúp pháp lý với các thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Thời hạn cộng tác

Ông/bà..... làm việc theo Hợp đồng cộng tác thực hiện trợ giúp pháp lý từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm

Điều 2. Hình thức, phương thức, đối tượng, phạm vi và lĩnh vực trợ giúp pháp lý cộng tác:

- Hình thức trợ giúp pháp lý cộng tác:

- Lĩnh vực trợ giúp pháp lý cộng tác:.....

- Phương thức cộng tác:

- Đối tượng trợ giúp pháp lý:

- Phạm vi trợ giúp pháp lý:

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên

A. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm

1. Phân công vụ việc trợ giúp pháp lý phù hợp với năng lực của cộng tác viên theo hình thức, lĩnh vực, phương thức, đối tượng và phạm vi quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này;

2. Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ về nghiệp vụ và cung cấp văn bản pháp luật có liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho cộng tác viên khi có yêu cầu phù hợp với khả năng và điều kiện của Trung tâm;

3. Kiểm tra, theo dõi, đánh giá, thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý do cộng tác viên thực hiện theo quy định của pháp luật;

4. Bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho cộng tác viên; hỗ trợ, tạo điều kiện cho cộng tác viên được tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý do Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm tổ chức;

5. Nghiệm thu và thanh toán chế độ bồi dưỡng, chi phí hành chính thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý cho cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện việc biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc khen thưởng khi cộng tác viên có thành tích hoặc có đóng góp tích cực cho công tác trợ giúp pháp lý.

B. Quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý theo hình thức, lĩnh vực, phương thức, đối tượng và phạm vi quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này và được hưởng chế độ bồi dưỡng và chi phí hành chính hợp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

2. Được đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm và được biểu dương, khen thưởng, tôn vinh khi có thành tích xuất sắc trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

3. Được quyền từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 45 Luật trợ giúp pháp lý hoặc khi thấy vụ việc vượt quá khả năng của mình.

4. Sử dụng thẻ cộng tác viên khi thực hiện trợ giúp pháp lý.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Giám đốc Trung tâm hoặc Trưởng Chi nhánh về việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý; có trách nhiệm bồi hoàn cho Trung tâm về những thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Báo cáo về việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất của Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh; bàn giao đầy đủ hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý cho Trung tâm, Chi nhánh theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý, nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý, Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các quy định khác của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng cộng tác

Hợp đồng cộng tác chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cộng tác viên không thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời gian 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cộng tác mà không có lý do chính đáng;
- Cộng tác viên có đơn đề nghị Trung tâm chấm dứt hợp đồng cộng tác;
- Cộng tác viên có hành vi vi phạm các quy định về sử dụng thẻ cộng tác viên theo

Điều 29 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý đến mức phải chấm dứt hợp đồng cộng tác;

- Cộng tác viên thuộc một trong các trường hợp bị thu hồi thẻ cộng tác viên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP.

Điều 5. Điều khoản chung

Các nội dung khác không thỏa thuận trong hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và Quy chế cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát sinh mâu thuẫn hay xung đột, các bên cùng nhau thương lượng, giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Nếu không thống nhất được biện pháp giải quyết thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

CỘNG TÁC VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC (TRƯỞNG CHI NHÁNH)
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

09055497

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com